

UBND TỈNH LẠNG SƠN  
**HỘI ĐỒNG XÉT THĂNG**

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC GIÁO VIÊN MẦM NON, PHỔ  
THÔNG TỪ HẠNG III LÊN HẠNG II TỈNH LẠNG SƠN NĂM 2025**

*(Kèm theo Báo cáo số /BC-HĐXTH ngày tháng 6 năm 2025 của Hội đồng xét thăng hạng)*

| STT         | Đơn vị                 | Số đăng ký dự xét<br>thăng hạng | Số chỉ tiêu xét<br>thăng hạng | Đạt          | Không đạt | Trúng tuyển  | Không trúng<br>tuyển | Ghi chú                           |
|-------------|------------------------|---------------------------------|-------------------------------|--------------|-----------|--------------|----------------------|-----------------------------------|
| 1           | Sở Giáo dục và Đào tạo | 500                             | 434                           | 495          | 5         | 430          | 70                   |                                   |
| 2           | UBND huyện Bắc Sơn     | 420                             | 325                           | 411          | 9         | 322          | 98                   |                                   |
| 3           | UBND huyện Cao Lộc     | 399                             | 284                           | 393          | 6         | 283          | 116                  |                                   |
| 4           | UBND huyện Bình Gia    | 474                             | 372                           | 465          | 9         | 369          | 105                  |                                   |
| 5           | UBND huyện Hữu Lũng    | 572                             | 465                           | 572          | 0         | 465          | 107                  |                                   |
| 6           | UBND huyện Văn Lãng    | 344                             | 303                           | 324          | 20        | 289          | 55                   | 04 viên chức quản<br>lý không đạt |
| 7           | UBND huyện Tràng Định  | 398                             | 365                           | 398          | 0         | 365          | 33                   |                                   |
| 8           | UBND huyện Đình Lập    | 283                             | 241                           | 281          | 2         | 241          | 42                   |                                   |
| 9           | UBND TP Lạng Sơn       | 247                             | 146                           | 245          | 2         | 146          | 101                  |                                   |
| 10          | UBND huyện Chi Lăng    | 525                             | 444                           | 525          | 0         | 444          | 81                   |                                   |
| 11          | UBND huyện Văn Quan    | 425                             | 356                           | 423          | 2         | 355          | 70                   |                                   |
| 12          | UBND huyện Lộc Bình    | 800                             | 601                           | 783          | 17        | 595          | 205                  |                                   |
| <b>TỔNG</b> |                        | <b>5.387</b>                    | <b>4.336</b>                  | <b>5.315</b> | <b>72</b> | <b>4.304</b> | <b>1.083</b>         |                                   |